

Số: 196/2026/QĐ-CTUBND

Cà Mau, ngày 09 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế quản lý hòa giải viên lao động
trên địa bàn tỉnh Cà Mau

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;
Căn cứ Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động;
Căn cứ Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1374/TTr-SNV ngày 14 tháng 9 năm 2026.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

- Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 10 năm 2026.
- Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu ban hành Quy chế quản lý Hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; Quyết định số 1740/QĐ-UBND ngày 02/10/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế quản lý Hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Cà Mau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB & TCTHPL-BTP;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ; Sở Tư pháp;
- Các sở, ban, ngành;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Phòng KGVX (Hiếu);
- Lưu VT, (H-QĐ48), KP888/10.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Luân



QUY CHẾ

Quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Cà Mau

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 196/2026/QĐ-CTUBND

của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; Hòa giải viên lao động và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc quản lý

1. Việc quản lý hòa giải viên lao động phải bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ trên phạm vi toàn tỉnh, gắn với trách nhiệm quản lý của Sở Nội vụ; cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

2. Quản lý hòa giải viên lao động phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; bảo đảm tính chủ động, rõ trách nhiệm trong tổ chức thực hiện.

3. Công khai, minh bạch, nâng cao hiệu quả hoạt động của hòa giải viên lao động.

4. Tạo điều kiện để hòa giải viên lao động xử lý nhanh, giải quyết kịp thời các tranh chấp lao động, không để phát sinh điểm nóng, phức tạp về an ninh, trật tự.

Điều 3. Phạm vi hoạt động của hòa giải viên lao động

1. Hòa giải viên lao động thuộc Sở Nội vụ quản lý có phạm vi hoạt động trên địa bàn toàn tỉnh; được phân công theo dõi, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động, giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề xảy ra trên địa bàn tỉnh theo đề nghị của cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Hòa giải viên lao động thuộc cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý có phạm vi hoạt động trên địa bàn cấp xã; được phân công theo dõi, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động,

giải quyết tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề xảy ra theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II

QUẢN LÝ HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 4. Tuyển chọn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm và quản lý hồ sơ hòa giải viên lao động

1. Tuyển chọn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, hòa giải viên lao động
 - a) Hòa giải viên lao động được tuyển chọn theo kế hoạch hằng năm do Sở Nội vụ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
 - b) Trình tự, thủ tục tuyển chọn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm hòa giải viên lao động thực hiện theo quy định tại Điều 73, Điều 74 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.
2. Quản lý hồ sơ hòa giải viên lao động: Sở Nội vụ quản lý hồ sơ hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh.

Điều 5. Thẩm quyền quản lý

1. Sở Nội vụ thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.
2. Cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý hòa giải viên lao động trên địa bàn cấp xã theo quy định tại khoản 2 Điều 76 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.

Điều 6. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục cử, nguyên tắc hòa giải của hòa giải viên lao động

1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục cử hòa giải viên lao động thực hiện theo quy định tại Điều 75 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.
2. Tùy theo tính chất phức tạp của vụ việc, Sở Nội vụ hoặc cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có thể cử một hoặc một số hòa giải viên lao động cùng tham gia giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 75 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP.
3. Nguyên tắc hòa giải của hòa giải viên lao động
 - a) Bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, tôn trọng sự thỏa thuận, thống nhất của các bên; không được ép buộc các bên thỏa thuận, thống nhất trái với ý chí của họ.
 - b) Bảo đảm bình đẳng về quyền và nghĩa vụ giữa các bên.
 - c) Công khai, minh bạch, khách quan, kịp thời, nhanh chóng và đúng pháp luật.
 - d) Thỏa thuận hòa giải không được vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc cơ quan, tổ

chức, cá nhân khác, không xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

đ) Bảo mật thông tin, trừ trường hợp pháp luật quy định.

e) Hòa giải viên lao động tiến hành hòa giải độc lập và tuân theo pháp luật; phương thức hòa giải được tiến hành linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế, đặc điểm của mỗi loại vụ việc.

g) Tiếng nói và chữ viết dùng trong hòa giải là tiếng Việt. Người tham gia hòa giải có quyền dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình; trường hợp này họ có thể tự bố trí hoặc đề nghị hòa giải viên lao động bố trí phiên dịch cho mình.

Người tham gia hòa giải là người khuyết tật nghe, nói hoặc khuyết tật nhìn có quyền dùng ngôn ngữ, ký hiệu, chữ dành riêng cho người khuyết tật; trường hợp này phải có người biết ngôn ngữ, ký hiệu, chữ dành riêng cho người khuyết tật để dịch lại và họ cũng được coi là người phiên dịch.

h) Bảo đảm bình đẳng giới trong hòa giải.

Điều 7. Thực hiện chế độ báo cáo

1. Hòa giải viên lao động thuộc Sở Nội vụ quản lý thực hiện báo cáo từng vụ việc giải quyết về Sở Nội vụ trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày giải quyết xong vụ việc; định kỳ (*trước ngày 10 tháng 12 hằng năm*) tổng hợp kết quả giải quyết cả năm báo cáo Sở Nội vụ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

2. Hòa giải viên lao động thuộc cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý thực hiện báo cáo từng vụ việc giải quyết về cơ quan quản lý trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày giải quyết xong vụ việc và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

3. Định kỳ (*trước ngày 10 tháng 12 hằng năm*), cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp tình hình hòa giải lao động trên địa bàn, báo cáo Sở Nội vụ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

4. Định kỳ (*trước ngày 15 tháng 12 hằng năm*), Sở Nội vụ tổng hợp tình hình hòa giải lao động trên địa bàn tỉnh, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu.

Chương III

TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HÒA GIẢI VIÊN LAO ĐỘNG

Điều 8. Tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Kết quả thực hiện nhiệm vụ của hòa giải viên lao động được đánh giá theo các tiêu chí như sau:

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ hòa giải tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề và hỗ trợ phát triển quan hệ lao động theo quy định của

pháp luật: Hoàn thành 100% số vụ việc được cử tham gia hòa giải, trừ trường hợp từ chối có lý do chính đáng theo quy định tại Quy chế này.

2. Chấp hành đầy đủ các quyết định cử tham gia giải quyết vụ việc của cơ quan có thẩm quyền, trừ trường hợp từ chối có lý do chính đáng theo quy định.

3. Thực hiện, tuân thủ đúng quy định về nguyên tắc, trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật lao động; không để xảy ra vi phạm thời hạn giải quyết do lỗi chủ quan.

4. Chấp hành nghiêm túc, đầy đủ các quy định của pháp luật và Quy chế này; không có hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp, không bị cơ quan có thẩm quyền kết luận có hành vi sách nhiễu, vụ lợi hoặc vi phạm pháp luật.

5. Tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, trừ trường hợp vắng mặt có lý do chính đáng được cơ quan triệu tập chấp thuận.

Điều 9. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Hòa giải viên lao động được đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo 02 mức: Hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ.

2. Hoàn thành nhiệm vụ

a) Đáp ứng đầy đủ các tiêu chí quy định tại Điều 8 Quy chế này. Trường hợp trong năm không phát sinh vụ việc hoặc không được cử tham gia giải quyết vụ việc thì việc đánh giá thực hiện căn cứ vào các tiêu chí quy định tại các khoản 2, 3, 4 và khoản 5 Điều 8 Quy chế này.

b) Không thuộc một trong các trường hợp bị đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Không hoàn thành nhiệm vụ

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng trình tự, thủ tục, thời hạn giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật do lỗi chủ quan của hòa giải viên được cơ quan có thẩm quyền kết luận hoặc xác định theo quy định của pháp luật.

b) Từ chối thực hiện nhiệm vụ hòa giải khi được cơ quan có thẩm quyền cử giải quyết vụ việc từ 02 lần trở lên trong năm đánh giá mà không có lý do chính đáng. Lý do chính đáng tại Quy chế này bao gồm các trường hợp: Bản thân hòa giải viên lao động bị ốm đau, tai nạn có xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền; Xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác theo quy định của pháp luật; đang thực hiện nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc thực hiện nghĩa vụ công dân theo quy định của pháp luật.

c) Vi phạm nguyên tắc khách quan, công bằng, kịp thời khi tiến hành hòa giải; có hành vi sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà cho các bên tranh chấp được cơ quan có thẩm quyền kết luận hoặc xác định theo quy định của pháp luật.

d) Lợi dụng danh nghĩa hòa giải viên lao động để trục lợi hoặc có hành vi vi phạm pháp luật khác trong quá trình thực hiện nhiệm vụ hòa giải, làm lộ bí mật thông tin, bí mật kinh doanh thu thập được trong quá trình thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

đ) Không tham gia tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ từ 02 lần trở lên trong năm theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền mà không có lý do chính đáng.

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm đánh giá, xếp loại hòa giải viên lao động

1. Trước ngày 05 tháng 12 hằng năm, hòa giải viên lao động có trách nhiệm tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm theo tiêu chí tại Điều 8 và đánh giá kết quả tại Điều 9 Quy chế này; lập Bản tự đánh giá gửi về cơ quan quản lý trực tiếp, cụ thể như sau:

a) Hòa giải viên lao động thuộc Sở Nội vụ quản lý nộp Bản tự đánh giá về Sở Nội vụ.

b) Hòa giải viên lao động thuộc cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý nộp Bản tự đánh giá về cơ quan chuyên môn đó.

2. Trước ngày 10 tháng 12 hằng năm, cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nhận xét, đánh giá và quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với từng hòa giải viên thuộc thẩm quyền quản lý; ban hành Báo cáo kết quả đánh giá, xếp loại hòa giải viên lao động trên địa bàn kèm theo Bảng tổng hợp kết quả gửi về Sở Nội vụ.

3. Trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, Sở Nội vụ có trách nhiệm nhận xét, đánh giá và quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với từng hòa giải viên thuộc thẩm quyền quản lý; tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá hòa giải viên lao động trên phạm vi toàn tỉnh; quản lý, lưu trữ hồ sơ đánh giá theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

a) Hằng năm, rà soát nhu cầu tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nội vụ và của cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã để xây dựng kế hoạch chung của tỉnh, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

b) Tổng hợp tình hình hòa giải lao động trên địa bàn tỉnh, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ.

c) Chủ trì, phối hợp với đơn vị chuyên môn của Bộ Nội vụ tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho hòa giải viên lao động trên địa bàn tỉnh.

d) Quản lý hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

đ) Công khai, cập nhật, đăng tải danh sách họ tên, địa bàn hoạt động, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để người lao động, người sử dụng lao động biết, liên hệ.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực nội vụ quản lý, rà soát, kiện toàn, xây dựng kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm đội ngũ hòa giải viên lao động trên địa bàn, bảo đảm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác hòa giải tranh chấp lao động trên địa bàn cấp xã.

b) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn bố trí địa điểm, phương tiện làm việc, thực hiện lập dự toán kinh phí và các điều kiện khác để hòa giải viên lao động thực hiện nhiệm vụ hòa giải theo quy định của pháp luật.

3. Trách nhiệm của cơ quan chuyên môn thực hiện nhiệm vụ về lĩnh vực nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Lập và thực hiện kế hoạch tuyển chọn, bổ nhiệm hòa giải viên lao động hằng năm theo phân cấp, bảo đảm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác hòa giải tranh chấp lao động tại địa phương.

b) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, ban, ngành có liên quan thực hiện công tác hòa giải theo quy định.

c) Quản lý hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định.

d) Cử hòa giải viên lao động tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Nội vụ, Sở Nội vụ tổ chức.

đ) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí kinh phí, bảo đảm các điều kiện hoạt động của hòa giải viên lao động theo quy định của pháp luật.

e) Công khai, cập nhật, đăng tải danh sách họ tên, địa bàn hoạt động, số điện thoại, địa chỉ liên hệ của hòa giải viên lao động thuộc thẩm quyền quản lý trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan và thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương để người lao động, người sử dụng lao động biết, liên hệ.

Điều 12. Triển khai thực hiện

1. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai, hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, hòa giải viên lao động phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.